

Bản án số: 230/2019/HS-ST

Ngày 19-12-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;

2. Ông Đào Văn Nô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 221/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N (tên gọi khác: **B**), sinh năm 1991 tại Sóc Trăng; nơi cư trú: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thảo T, sinh năm 1958 (đã chết) và bà Trương Thị Bé E, sinh năm 1969; bị cáo có 03 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất là bị cáo; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không;

Ngày 04-4-2019, tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Văn N cùng đồng phạm đã có hành vi dùng mã tấu, dao chém ông Trần Minh H với tỷ lệ thương tích là 47% và ông Ngô Văn S với tỷ lệ thương tích là 2%.

Ngày 21-4-2019, thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Ngày 23-8-2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã D, tỉnh Bình Dương về hành vi Gây rối trật tự công cộng; có mặt.

- Bị hại: Ông Trương Văn T (tên gọi khác: Y), sinh năm 1999; nơi thường trú: Ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Khu phố 6, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Người làm chứng: Ông Phạm Văn P; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N và ông Trương Văn T có mối quan hệ là bạn bè với nhau.

Khoảng 10 giờ ngày 21-4-2019, N đi bộ đến phòng trọ số 17 nhà trọ Phạm Văn P thuộc ấp 2, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương để uống bia cùng với Th (không rõ nhân thân lai lịch, là bạn của N) và một số người bạn khác của Th. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, N gọi điện thoại rủ ông Trương Văn T đến phòng trọ số 17 nhà trọ Phạm Văn P uống bia chung thì ông T đồng ý. Sau đó, ông Trương Văn T điều khiển xe mô tô biển số 68D1-433.12 đi từ phòng trọ tại phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương đến phòng trọ số 17 nhà trọ Phạm Văn P uống bia chung với N, Th và 02 người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch). Khoảng 20 phút sau, N bảo ông Trương Văn T cho N mượn xe mô tô biển số 68D1-433.12 để N đi mua đồ ăn, ông Trương Văn T đồng ý và giao xe cho N. Sau khi mượn được xe mô tô của ông Trương Văn T, N điều khiển xe đến khu vực thuộc Bến xe M, Thành phố Hồ Chí Minh chơi. Đến ngày 22-4-2019, N nảy sinh ý định bán xe lấy tiền tiêu xài, thực hiện ý định, N mang xe mô tô biển số 68D1-433.12 đến bán cho một tiệm cầm đồ (không rõ tên, địa chỉ) ở khu vực Bến xe M, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 7.000.000 đồng.

Do N mượn xe nhưng không thấy trả nên ngày 23-4-2019, ông Trương Văn T đến Công an xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương trình báo vụ việc. Sau đó, Công an xã H lập hồ sơ ban đầu chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T nhận được thông báo Nguyễn Văn N đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã D, tỉnh Bình Dương về hành vi Gây rối trật tự công cộng. Qua làm việc, N đã khai nhận hành vi chiếm đoạt xe mô tô biển số 68D1-433.12 của ông Trương Văn T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 141/KLTS-TTHS ngày 24-4-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter màu xanh đen bạc, biển số 68D1-433.12 đã qua sử dụng, giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 36.850.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Do xe mô tô biển số 68D1-433.12 bị Nguyễn Văn N chiếm đoạt đến nay chưa thu hồi được nên ông Trương Văn T yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền 36.850.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bản Cáo trạng số 233/CT-VKS-TU ngày 07-11-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn N ra trước Tòa án nhân dân thị xã T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù;

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không có.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Trương Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 36.850.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 36.850.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, bị hại ông Trương Văn T đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo N. Bị cáo Nguyễn Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Trong phần trình bày lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, trước sau thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Ngày 21-4-2019, tại xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Văn N lợi dụng sự tin tưởng của ông Trương Văn T để mượn xe mô tô biển số 68D1-433.12 sử dụng và thực hiện hành vi chiếm đoạt. Xe mô tô biển số 68D1-433.12 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 36.850.000 đồng (Ba mươi sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác. Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, xâm phạm trật tự an ninh tại địa phương nhưng vì ý thức coi thường pháp luật, để có tiền tiêu xài cá nhân mà không cân bỏ sức

lao động, bị cáo đã bán xe mô tô biển số 68D1-433.12 có giá trị 36.850.000 đồng của bị hại để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Điều đó thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng đối với bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa, bị hại ông Trương Văn T đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước mà yên tâm cải tạo sớm thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 36.850.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không có.

[7] Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đề nghị đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo phạm tội, bị kết án và phải thực hiện N vụ bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không có.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46 và 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584 và 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho bị hại ông Trương Văn T số tiền 36.850.000 đồng (Ba mươi sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều

468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.842.500 đồng (Một triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tâm